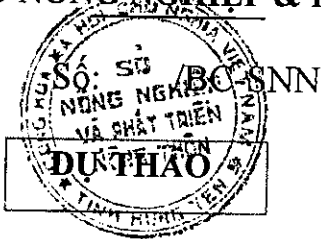


17  
1/2019.

UBND Tỉnh Hưng Yên - cấp.  
Số: 10/BC-SNN

UBND TỈNH HƯNG YÊN  
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hưng Yên, ngày tháng năm 2019

## BÁO CÁO

### Tình hình sản xuất nông nghiệp vụ Xuân; kế hoạch, giải pháp sản xuất vụ Mùa 2019 và vụ Đông 2019-2020

Thời tiết các tháng 11,12 năm 2018 có số ngày mưa ít nhưng lượng mưa khá lớn, mặt khác tỷ lệ thu hoạch lúa bằng máy cao (trên 90%) ở vụ Mùa đã tạo rãnh trên mặt ruộng rất khó tiêu thoát nước gây khó khăn cho việc cấy ải; Tháng 12/2018 và tháng 01/2019 nền nhiệt độ trung bình cao hơn từ 1,5 – 2<sup>0</sup>C so với trung bình nhiều năm kèm theo ẩm độ cao gây ảnh hưởng đến khả năng phân hóa mầm hoa, tỷ lệ ra hoa trên cây ăn quả, đặc biệt là cây nhãn. Từ thời điểm gieo, cấy lúa Xuân đến nay thời tiết ẩm, không có rét đậm, rét hại thuận lợi cho công tác gieo, cấy; sau gieo cấy tổng số giờ nắng cao, cây lúa sinh trưởng, phát triển nhanh, trổ sớm hơn từ 7- 10 ngày so với cùng kỳ hằng năm; các đối tượng sâu, bệnh hại trên cây trồng giảm về cả qui mô và mức độ gây hại so với năm trước.

Từ Tết Nguyên đán đến nay, lĩnh vực chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do diễn biến thời tiết thay đổi bất thường, đặc biệt từ đầu tháng 2/2019 trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện dịch tả lợn Châu Phi, đến nay dịch bệnh này vẫn đang có diễn biến hết sức phức tạp ở cả 10 huyện, thành phố, gây ảnh hưởng khá lớn đến lĩnh vực chăn nuôi – thú y nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung.

Trước tình hình thời tiết cực đoan có diễn biến thường, dịch tả lợn Châu Phi gây hại nghiêm trọng trên phạm vi toàn tỉnh, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt, hiệu quả, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, triển khai áp dụng tổng hợp nhiều biện pháp kỹ thuật và các giải pháp phù hợp với thực tiễn để giảm thiểu những thiệt hại do thời tiết và dịch bệnh gây ra. Kết quả cụ thể như sau:

#### I. Kết quả sản xuất nông nghiệp vụ Xuân 2019

##### 1. Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

###### a) Cây lúa

###### - Về gieo, cấy

Toàn tỉnh triển khai gieo, cấy xung quanh tiết lập xuân (04/2/2019) và hoàn thành kế hoạch gieo, cấy trong khung thời vụ (cơ bản gieo, cấy xong trong tháng 02/2019 và hoàn thành trước ngày 05/3/2019). Kết thúc gieo cấy, toàn tỉnh đã gieo, cấy được 31.948 ha, đạt 101,6% kế hoạch giao (KH:31.440 ha), trong đó diện tích

cây là 23.516 ha, diện tích gieo trồng là 8.432 ha (cao hơn năm trước là 582 ha); diện tích lúa chất lượng đạt 20.939 ha, chiếm 64,5 % diện tích (cao hơn năm trước 4,9 %), diện tích lúa năng suất là 11.009 ha chiếm 35,5% diện tích; Lúa bắt đầu trổ từ ngày 15/4/2018 (sớm hơn năm trước khoảng 10 ngày), đến ngày 15/5/2019 toàn bộ diện tích lúa đã trổ xong; hiện nay lúa đang trong giai đoạn “vào chắc – chín”, thời điểm lúa trổ đến nay, nhiệt độ trung bình ngày khoảng 28<sup>0</sup>C, nhiều ngày có mưa về đêm và sáng sớm tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho lúa trổ bông và vào chắc; dự kiến năng suất vụ Xuân năm 2019 từ 66 – 67 tạ/ha. *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

#### **- Thực hiện mô hình cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn**

Triển khai thực hiện được 39 mô hình với tổng diện tích thực hiện 680 ha (tăng 22 ha so với năm 2018), gồm: mô hình cây lúa chất lượng bao gồm các giống Nếp Thơm Hưng Yên, BT7, Sơn Lâm 1... với diện tích 238 ha, dự kiến cho lãi khoảng 35 – 40 tr.đ/ha (cao hơn sản xuất đại trà từ 10 – 15 tr.đ/ha); mô hình sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm, lúa giống có liên kết tiêu thụ sản phẩm là 442 ha, cho lãi khoảng 30 tr.đ/ha (cao hơn sản xuất đại trà gần trên 8 - 10 tr.đ/ha). *(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)*

- Tiếp tục giao Trung tâm giống nông nghiệp tỉnh tổ chức hậu kiểm đánh giá các giống lúa chủ lực đã được UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí mua giống gồm: nếp Thơm Hưng Yên, Sơn Lâm 1. Kết quả: các giống đều sinh trưởng phát triển tốt, ít nhiễm sâu, bệnh hại chính (bệnh Đạo ôn, sâu cuốn lá), không có giống nào xuất hiện các biểu hiện của bệnh Lùn sọc đen.

#### **b) Cây ăn quả**

- Tổng diện tích cây ăn quả đến nay khoảng 12.310 ha (diện tích nhãn, cây có múi được giữ ổn định so với thời điểm cuối năm 2018), trong đó: diện tích nhãn là 4.469 ha, tỷ lệ ra hoa khoảng 65 - 70%, sản lượng ước đạt 38.500 tấn, giảm 8,98% so với năm 2018; diện tích cây có múi là 3.300 ha, tỷ lệ ra hoa đạt trên 85%, sản lượng ước đạt 40.000 tấn; diện tích vải là 750 ha, tỷ lệ ra hoa, đậu quả từ 85 - 90%, sản lượng ước đạt 11.000 tấn, tăng 8,37% so với năm 2018; diện tích chuối là 2.300 ha, sản lượng ước đạt 45.000 tấn...còn lại là các cây ăn quả khác.

- Hiện nay hầu hết các loại cây ăn quả đang ở giai đoạn phát triển quả non; vải chuẩn bị cho thu hoạch; riêng chuối tiêu đã thu hoạch xong, chuối tây đang cho thu hoạch; giá bán khá cao từ 10.000 – 15.000 đồng/kg (cao hơn cùng kỳ năm trước khoảng 2.000 đồng/kg).

#### **c) Cây rau màu**

Toàn tỉnh trồng được 7.434 ha rau màu vụ Xuân (giảm 566 ha so với CKNT chủ yếu do chuyển đổi từ trồng ngô, đậu đỗ sang trồng cây ăn quả), gồm: ngô 1.600 ha, lạc đậu tương khoảng 840 ha, dược liệu, hoa cây cảnh khoảng 1.500 ha còn lại là rau quả các loại. Đến ngày 15/5/2019, toàn tỉnh đã thu hoạch được 4.115 ha, gồm: ngô 726 ha, dưa, bí là 339 ha, dược liệu hoa cây cảnh là 250, còn lại là rau màu khác. Nhìn chung rau màu vụ xuân sinh trưởng, phát triển tốt, một số loại rau

quả đã thu hoạch có giá bán cao tạo tâm lý tốt cho người sản xuất.

#### **d) Trồng cây nhân dân**

Toàn tỉnh đã trồng được 182.100 cây (đạt 101,2% KH), trong đó cây ăn quả 145.950 cây (tăng 9.950 cây so với KH); cây lấy gỗ, cây bóng mát 36.150 cây (giảm 7.850 so với KH).

#### **e) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng**

Đến nay, toàn tỉnh dự kiến đã chuyển đổi được khoảng 800 ha, chủ yếu là chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm. Thời điểm tiếp tục chuyển đổi mạnh nhất là sau khi kết thúc thu hoạch vụ mùa.

#### **g) Công tác Bảo vệ thực vật.**

Nhìn chung thời điểm đầu vụ xuân các đối tượng sâu bệnh trên cây trồng xuất hiện ở qui mô nhỏ và mức độ gây hại thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: trên cây lúa, đến ngày 15/5/2019, diện tích nhiễm bệnh đạo ôn cổ bông là 96,1ha, diện tích bị nhiễm nặng là 1,2 ha; diện tích nhiễm bệnh bạc lá – đốm sọc VK là 334 ha, nhiễm nặng là 45 ha; rầy nâu – rầy lưng trắng gây hại trên diện tích 1.873 ha, nhiễm nặng là 60 ha; trên cây nhãn, vải bệnh thán thư, sương mai xuất hiện cục bộ, mức độ gây hại nhẹ từ 3 – 5%, không có diện tích nhiễm nặng; sâu đục cuống quả có mật độ phổ biến từ 0,5 – 1 con/cành; trên cây có múi nhện đỏ gây hại rải rác ở mức độ nhẹ; trên cây rau màu Sâu đục thân, bấp gây hại nhẹ; tỷ lệ hại phổ biến 1-2% số thân, bấp. Bệnh lở cổ rễ tiếp tục xuất hiện và gây hại cục bộ ở một số ruộng trũng, ẩm độ cao.

### **2. Chăn nuôi - thú y và thủy sản**

#### **a) Về Chăn nuôi - Thú y**

- Lĩnh vực chăn nuôi – Thú y những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do diễn biến thời tiết thay đổi thất thường, dịch bệnh trên đàn gia súc diễn biến phức tạp, nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xuất hiện trên địa bàn tỉnh từ đầu tháng 02/2019 và chưa có chiều hướng suy giảm; đến ngày 17/5/2019, 10 huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức tiêu hủy 132.397 con lợn (8.129.128 kg) tại 11.325 hộ, 706 thôn, 154 xã, phường, thị trấn của 10 huyện, thị xã, thành phố. Tổng đàn lợn ước tính đến thời điểm hiện tại còn khoảng 400.000 con (giảm 29,6% so với CKNT), sản lượng thịt hơi 52.000 tấn; đàn gia cầm khoảng 8,7 triệu con (tăng 11,5% so với CKNT), sản lượng thịt hơi 16.600 tấn; đàn trâu, bò khoảng 38.700 con (tăng 1,8% so với CKNT), sản lượng thịt hơi 2.240 tấn. Tổng sản lượng thịt hơi khoảng 70.840 tấn.

- Toàn tỉnh tổ chức thực hiện công tác khử trùng tiêu độc được: 64.318 lít hóa chất, 876 tấn vôi bột. Trong đó, tỉnh đã hỗ trợ, cung ứng: 35.786 lít và 18.000 tấn của Trung ương; cấp huyện: 6.910 lít, 216 tấn vôi bột; cấp xã: 1.442 lít, 500 tấn vôi bột; người chăn nuôi: 2.180 lít, 160 tấn vôi bột. Kết quả đã phun hóa chất khử trùng tiêu độc và rắc vôi bột đến nay được: 44.641 lít hóa chất khử trùng, 707 tấn vôi bột tương ứng với trên 23,2 triệu lượt m<sup>2</sup> chuồng trại chăn nuôi

và môi trường (Trong đó: hóa chất khử trùng tiêu độc của tỉnh hỗ trợ phun được 17,8 triệu lượt  $m^2$ ; cấp huyện, xã hỗ trợ và người chăn nuôi tự thực hiện được trên 5,4 triệu lượt  $m^2$ ). Ngoài ra, tỉnh và các địa phương đã hỗ trợ bình phun khử trùng, bảo hộ lao động..... để phục vụ công tác chống dịch.

- Thành lập chốt kiểm dịch: Cấp tỉnh: thành lập được 10 chốt kiểm dịch động vật liên ngành trên các trục đường giao thông chính tại địa bàn giáp ranh với các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương và thành phố Hà Nội; cấp huyện, thành phố: đã thành lập được 14 chốt, trong đó: Yên Mỹ: 7 chốt, Văn Giang: 05 chốt, Phù Cừ: 02 chốt; Cấp xã: Thành lập được: 280 chốt.

- Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm: Cung ứng và tiêm phòng được 20.250 liều vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò; 26.290 liều vắc xin dại chó mèo; 2.500.000 liều vắc xin cúm gia cầm. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng cho đàn Trâu, bò và cho phép cấp phát các vắc xin: Dịch tả và Tụ huyết trùng lợn, Tai xanh, Lở mồm long móng gia súc cho các hộ chăn nuôi tự tiến hành tiêm phòng và không hỗ trợ tiền công tiêm phòng theo quy định. Công tác tổ chức tiêm phòng có sự giám sát của chính quyền địa phương và thú y cơ sở.

### **b) Về thủy sản**

- Diện tích nuôi, thả thủy sản là 5.675 ha (tương đương năm 2018), trong đó diện tích nuôi thâm canh là 1.845 ha, còn lại là bán thâm canh và quảng canh; năng suất 7 tấn/ha/1 chu kỳ nuôi, tổng sản lượng là 23,5 nghìn tấn (tăng 10,84% so với CKNT) đạt 55,3% kế hoạch; sản lượng cá bột sản xuất và kinh doanh đạt 210 triệu con; sản lượng cá hương, cá giống sản xuất kinh doanh đạt 80 triệu con; tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nuôi cá sông trong ao nước tĩnh, Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông..

- Đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo tỉnh triển khai công tác thả cá phóng sinh và tái tạo nguồn lợi thủy sản tỉnh Hưng Yên trên 20 vạn cá giống (gồm cá Chép và cá rô đồng); tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường.

### **3. Một số hạn chế, yếu kém**

- Công tác cày ải ở các địa phương chưa đạt kế hoạch; việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất còn chậm nhất là khâu gieo cấy, vẫn còn nhiều máy làm đất loại nhỏ nên chất lượng làm đất không cao; một số nơi vẫn còn tình trạng “bảo kê” máy làm đất, máy gặt gây ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả sản xuất.

- Chăn nuôi còn nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư; chủ hộ chăn nuôi không áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; việc giết mổ, tiêu thụ lợn, sản phẩm của lợn khó kiểm soát dẫn đến dịch bệnh lây lan diện rộng.

- Vấn nạn ô nhiễm môi trường do chăn nuôi vẫn diễn biến phức tạp, nhất là chăn nuôi lợn. Liên kết trong chăn nuôi còn rất yếu kém, việc tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi chủ yếu do thương lái chi phối.

## 5. Một số nhiệm vụ tập trung chỉ đạo từ nay đến cuối vụ

### a) Trồng trọt

- Chỉ đạo giữ mực nước trên mặt ruộng hợp lý để lúa trổ bông – kết hạt được thuận lợi đồng thời phục vụ tốt cho công tác phòng trừ sâu bệnh hại; theo dõi và phòng trừ kịp thời sâu bệnh cuối vụ trên lúa, đặc biệt lưu ý là bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh bạc lá - đốm sọc vi khuẩn và rầy nâu - rầy lưng trắng trên diện tích lúa trổ bông muộn và trên những giống nhiễm.

- Chỉ đạo nông dân huy động tối đa nhân, vật lực để thu hoạch lúa Xuân (khi lúa chín khoảng 90%) nhanh gọn theo phương châm “**Xanh nhà hơn già đồng**” giảm thiểu những rủi ro do thời tiết gây ra; lưu ý thu hoạch lúa đến đâu làm đất ngay đến đó để gốc rạ nhanh phân hủy, hạn chế dịch bệnh ở vụ mùa.

- Bón thúc quả cho nhãn, cây ăn quả có múi và cây ăn quả khác bằng các loại phân bón NPK tổng hợp loại chuyên dùng theo qui trình kỹ thuật đã hướng dẫn, bón bổ sung phân hữu cơ vi sinh, phân bón qua lá có chứa các chất trung, vi lượng để tăng chất lượng quả;

- Tiếp tục mở rộng chứng nhận VietGAP trên cây ăn quả; phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, mang lại hiệu quả cao cho người sản xuất.

- Thu hoạch cây ăn quả, cây rau màu đúng thời điểm để tăng chất lượng, giá trị sản phẩm. Theo dõi chặt chẽ sâu bệnh hại nhãn, vải, cây có múi và các cây ăn quả khác, áp dụng biện pháp phòng trừ hiệu quả theo IPM.

### b) Chăn nuôi - thú y, thủy sản

- Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi; công tác tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại, môi trường chăn nuôi; thực hiện tốt công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, lưu thông gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao công tác dự tính dự báo về nhu cầu của thị trường để chủ động sản xuất, tránh tình trạng cung vượt cầu; chủ động xuất bán gia súc, gia cầm khi đã đến tuổi giết mổ (không găm hàng, ghìem hàng), đồng thời không tăng đàn ồ ạt.

- Tiếp tục tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo các chuỗi liên kết, gắn với việc thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi kiểu mới, nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi - thú y - thủy sản: chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi (chất cấm và kháng sinh), thuốc thú y và vệ sinh thú y... vệ sinh môi trường chăn nuôi, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, nhất là sử dụng chất cấm, kháng sinh, thuốc thú y ngoài danh mục, các hộ, các cơ sở chăn nuôi không tiêm phòng theo quy định, các cơ sở vi

phạm về vệ sinh thú y và vệ sinh môi trường chăn nuôi, thủy sản.

- Tận dụng mọi tiềm năng diện tích mặt nước, ao hồ, đầm hiện có để tăng cường chỉ đạo nuôi cá giống, cá thương phẩm. Triển khai công tác thả cá ra nguồn nước tự nhiên nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản; triển khai dự án phát triển công nghệ “ Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh”, “nuôi cá lồng trên sông Hồng”, tăng hiệu quả sản xuất.

## **II. Kế hoạch, giải pháp sản xuất lúa vụ Mùa 2019 và vụ Đông 2019 - 2020**

Theo nhận định của Đài khí tượng thủy văn Hưng Yên, vụ mùa năm 2019, bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) xuất hiện muộn hơn so với TBNN; dự kiến có khoảng 10-12 cơn bão và ATNĐ ảnh hưởng tới khu vực Biển Đông, đề phòng có 1 – 2 cơn bão mạnh ảnh hưởng trực tiếp tới tỉnh Hưng Yên (thời gian ảnh hưởng tập trung từ tháng VII đến tháng IX); tổng lượng mưa toàn mùa trên phạm vi toàn tỉnh từ 1.200 - 1.300 mm (xấp xỉ cao hơn TBNN 1.200-1.300) toàn mùa có khoảng 5 -7 đợt mưa lớn trên diện rộng; nhiệt độ trung bình ở mức cao hơn TBNN, toàn mùa khả năng xuất hiện khoảng 2- 6 đợt nắng nóng trên diện rộng kéo dài từ 02 ngày trở lên.

### **1. Kế hoạch sản xuất vụ mùa 2019**

**1.1. Sản xuất:** Diện tích gieo cấy lúa khoảng 31.410 ha, năng suất bình quân 58 tạ/ha; trong đó: Lúa mùa sớm chiếm 10-15%; lúa mùa trung chiếm 85-90% diện tích gieo cấy. Bố trí gieo cấy lúa chất lượng cao khoảng 21.500 ha (chiếm 68 - 69%DT).

### **1.2. Xây dựng mô hình cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn**

Căn cứ tình hình thực tế, các địa phương tiếp tục mở rộng mô hình “Cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn” sản xuất lúa thương phẩm có năng suất, chất lượng gạo ngon, sản xuất lúa giống gắn với doanh nghiệp thu mua chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nâng cao hiệu quả sản xuất.

### **1.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

#### **a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo.**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền; triển khai thực hiện các giải pháp phải chủ động, chặt chẽ, quyết liệt, hiệu quả tránh việc chủ quan, lơ là, xem nhẹ khó khăn của sản xuất vụ mùa nhất là những diễn biến bất thường của tình hình thời tiết trong mùa mưa bão.

- Các huyện, thành phố chỉ đạo các xã, thị trấn nghiêm túc chấp hành lịch cơ cấu giống và trả vụ, kiên quyết không để công tác gieo, cấy lúa mùa chậm hơn so với lịch (để bị ảnh hưởng của mưa, bão, úng đầu vụ và ảnh hưởng tới sản xuất vụ đông), coi đây là biện pháp chỉ đạo trọng tâm cho thắng lợi vụ mùa và chuẩn bị làm vụ đông. **Toàn tỉnh phấn đấu hoàn thành gieo, cấy trước 10/7/2019.**

- Lịch thời vụ, cơ cấu các giống lúa vụ Mùa năm 2019 phải được kê, vẽ tại các bảng tin và niêm yết tại Nhà văn hóa của từng thôn, xóm, tại các đại lý, cửa hàng kinh doanh giống để nông dân biết, thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt không để nông dân gieo, cấy giống BT7 tại những chân ruộng trũng, đất chua và những chân ruộng hay bị bệnh Bạc lá-Đóm sọc vi khuẩn ở những vụ mùa trước, thay thế bằng giống lúa nếp Thom Hung Yên, Sơn Lâm 1, Đài Thom 8, TBR 279.

**b) Giải pháp về giống và thời vụ:** Mỗi huyện, thành phố lựa chọn từ 3-4 giống chủ lực để gieo, cấy theo bảng cơ cấu giống và lịch thời vụ sau:

Giống chủ lực	Phương thức gieo	Ngày gieo	Thời gian cấy, gieo thẳng	Tuổi mạ (ngày)	Khoảng thời gian thu hoạch	TGST (ngày)	Yêu cầu kỹ thuật (chân ruộng)
<b>1. Mùa sớm (khoảng 10-15%)</b>							
TBR 279, Đài Thom 8, Sơn Lâm 1, ADI 28	Mạ nền cứng, gieo thẳng	10 - 15/6	18 - 23/6	7 - 8	20-25/9	105	Cao, vùn cao
	Mạ dợt	7 -10/6	22 - 25/6	14-16	25-30/9	105	
<b>2. Mùa trung (khoảng 85-90%)</b>							
Đài Thom 8, Sơn Lâm 1, TBR 279	Mạ nền cứng, gieo thẳng	15 -20/6	22 - 28/6	7 - 8	30/9 - 15/10	105	Vùn cao, vùn
Nếp thom Hung Yên, TBR279, Sơn Lâm 1, Đài Thom 8	Mạ dợt	10 -15/6	25-30/6	14-16	30/9- 5/10	105-110	Vùn
Nếp Thom Hung Yên	Mạ dợt	18-22/6	4-10/7	16- 20	5 - 10/10	105-110	Vùn trũng

**Lưu ý:** Đối với những vùng xây dựng kế hoạch trồng cây vụ đông sớm, nhóm cây ưa ẩm cần gieo, cấy bằng các giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (từ 100 - 105 ngày);

Mở rộng diện tích gieo, cấy một số giống lúa triển vọng như: Kim Cương 111, Bắc Hương 9, Hà Phát 3... để đánh giá tiềm năng và khả năng thích ứng của giống trước khi đưa vào cơ cấu chính thức.

**c) Giải pháp về kỹ thuật**

- **Làm đất:** Tập trung làm đất kỹ, nhuyễn theo phương châm “gặt đến đâu làm đất ngay đến đó”. Bố trí máy công suất lớn làm đất cho cánh đồng lớn, những khu ruộng trũng; máy nhỏ làm đất tại những khu ruộng nhỏ, khu xen kẹt.

**- Làm mạ, gieo cây:**

Đối với chân ruộng có kế hoạch làm cây vụ đông sớm phải bố trí gieo, cấy theo lịch của trà lúa mùa sớm.

Khi gieo, cấy cần thực hiện phương châm “**Chiêm hơn xương, Mùa hơn đêm**”, cấy mạ đúng tuổi, đảm bảo số danh và mật độ theo qui trình thâm canh của từng giống.

Mở rộng diện tích gieo thẳng, cấy máy ở chân cao, vùn cao chủ động nước để giảm chi phí và công lao động, giảm áp lực lao động ở đầu vụ, dài vụ thu hoạch và bố trí trồng cây vụ đông sớm.

**- Thủy lợi:** Đảm bảo cung cấp đủ nước cho làm đất (không để ruộng mất “lắm”) và gieo, cấy lúa mùa; điều tiết nước khoa học, hợp lý cho lúa ngay từ đầu vụ (nước cạn, đủ ẩm đối với lúa gieo vãi và cấy bằng mạ nền cứng; mực nước nông đối với lúa cấy), cung cấp đủ nước theo nhu cầu từng giai đoạn phát triển của lúa.

**- Phân bón:**

Sử dụng các chế phẩm phân bón sinh học sau khi làm đất lần 1 để thúc đẩy gốc rễ phân hủy nhanh, hạn chế bệnh nghẹt rễ, vàng lá sinh lý; sử dụng vôi bột rắc trên chân ruộng chua, trũng để khử chua, hạn chế rong rêu; sử dụng phân bón hữu cơ sinh học Quế Lâm để bón cho vụ Mùa thay thế cho phân chuồng.

Bón thúc bằng các loại phân bón NPK tổng hợp loại chuyên dùng cho lúa, bón theo hướng dẫn của nhà sản xuất từng loại phân, từng loại đất, từng giống lúa.

Bón đủ phân Kali cho lúa, nhất là giai đoạn đón đòng (đối với lúa lai và lúa thuần năng suất cao bón Kali tăng từ 2-3kg/sào so với các giống lúa thuần khác).

**- Bảo vệ thực vật:**

Thăm đồng thường xuyên, dự tính, dự báo sâu bệnh chính xác, chỉ đạo nông dân phòng trừ kịp thời, hiệu quả theo nguyên tắc 4 đúng.

Tích cực ứng dụng các giải pháp kỹ thuật như SRI, IPM.

**d) Công tác dự phòng úng ngập**

**- Dự phòng giống lúa (nếu mất lúa từ sau cấy đến hết tháng 7)**

Sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày như: QR1, HN6 để gieo dự phòng; thời gian gieo từ 10-15/7.

Hình thức gieo mạ được thưa hoặc gieo vãi dày tại những vùng dễ xảy ra úng ngập để thuận tiện cho việc cung cấp mạ cấy cho diện tích lúa bị mất do úng ngập.

**- Dự phòng giống rau màu (nếu mất lúa từ đầu tháng 8 trở đi):** Các địa phương chủ động hợp đồng với các doanh nghiệp, nhà phân phối để dự phòng các giống rau màu ngắn ngày sử dụng khi úng ngập mất lúa từ giữa tháng 8 trở đi.



## 2. Kế hoạch sản xuất vụ Đông 2019 – 2020

### 2.1. Kế hoạch

- Diện tích UBND tỉnh giao năm 2019 là: 11.050 ha. Trong đó dự kiến:
- + Ngô: 3.100ha (ngoài bãi 1.500-1.800 ha, trong đồng 1.200-1.500 ha);
- + Lạc, đậu tương: 300 ha (ngoài bãi 200 ha, trong đồng 100 ha);
- + Các loại rau, màu: 7.650 ha (khoai tây: 550 ha; bí xanh, bí ngô: 1.500 ha; hoa cây cảnh 500ha; dược liệu 500ha, rau các loại: 4.600 ha).

- Mỗi địa phương xây dựng ít nhất từ 1-2 “**Cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn**” trồng cây trồng vụ đông với diện tích 10 ha trở lên.

### 2.2. Các giải pháp chủ yếu

a) *Giải pháp về giống và thời vụ gieo trồng:* Theo bảng sau:

Cây trồng	Giống	Thời vụ gieo, trồng	Chân đất
- Ngô tẻ	CP.501, CP.111, P4124, NK7328,...	Xong trước 20/9	Đất bãi ven sông
- Ngô nếp, ngô ngọt	Ngô nếp: HN88, HN68, Bạch long...Ngô ngọt: Việt Thái, Golden Cop...	Xong trước 10/10	Đất 2 vụ lúa, đất chuyên màu
- Khoai lang	KL2, KL5, Hoàng Long	Xong trước 10/10	Đất 2 vụ lúa, đất màu
- Đậu tương	DT84, ĐT22, ĐT26, ĐVN5, ĐVN6	Xong trước 20/9	Đất bãi ven sông
	Đ8,ĐT12,ĐVN9, DT84	Xong trước 10/10	Đất 2 vụ lúa, đất màu
- Cây lạc	L14,L23,L16, MD7, MD9.	Xong trước 25/9	Đất 2 vụ lúa, đất màu
- Cây bí xanh, bí đỏ	Vino34, Arjuna, Suprema, Goldstar 998, Nova 79 ; Nova 279, bí xanh số 1, Fuji 868,...	Xong trước 30/9	Đất 2 vụ lúa
- Khoai tây	Solara, Sinora, Marabel	Từ 15/10 – 25/11	Đất 2 vụ lúa
- Các loại rau, đậu thực phẩm	Bố trí thời gian trồng đảm bảo thu hoạch xong trước 20/01/2019		

### b) *Giải pháp kỹ thuật*

- Các địa phương có diện tích đất bãi ven sông Hồng, sông Luộc cần mở rộng diện tích trồng cây dược liệu, hoa, cây ăn quả, rau để thay thế các loại cây

có giá trị kinh tế thấp như: ngô, đậu, lạc.

- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa, đưa máy móc vào thu hoạch lúa và làm đất, gặt đến đâu làm đất ngay đến đó, theo phương châm “*sáng lúa, chiều vụ đông*” để gieo, trồng cây vụ đông kịp thời vụ.

- Chân ruộng thu hoạch lúa trước 05/10, ưu tiên bố trí trồng các cây ưa ẩm như: ngô nếp, đậu tương, lạc, khoai lang, các loại rau sớm: hành tỏi, bí đỏ, bí xanh, dưa chuột, ớt. Chân ruộng thu hoạch sau 05/10 bố trí trồng nhóm rau ăn lá ngắn ngày, khoai tây, nhóm rau, đậu ưa lạnh.

- Áp dụng linh hoạt các biện pháp kỹ thuật làm bầu, trồng xen, trồng gối, làm đất tối thiểu để đảm bảo thời vụ; áp dụng các biện pháp chăm sóc, thâm canh cây vụ đông theo hướng sản xuất an toàn, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

- Bón đủ lượng, bón tập trung và cân đối NPK theo yêu cầu của từng loại cây trồng.

- Đảm bảo đủ nước, tưới tiêu khoa học; không để hạn hoặc úng ngập vào các giai đoạn xung yếu của cây trồng làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện nghiêm túc qui trình trồng rau an toàn, khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP.

**c) Tổ chức sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo “cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn”**

Các địa phương căn cứ điều kiện thực tế, hiệu quả của các mô hình đã thực hiện các vụ trước và thế mạnh các cây trồng cụ thể của địa phương mình, tiếp tục chỉ đạo sản xuất theo “**Cánh đồng sản xuất tập trung-2 vụ lúa 1 vụ đông**” để nâng cao giá trị trên 1 đơn vị diện tích.

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất cây vụ đông để nâng cao thu nhập và hiệu quả kinh tế cho người dân. Chú trọng các loại cây có thời gian bảo quản dài, có thể cung cấp nguyên liệu cho chế biến như: bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, ớt, khoai tây,...

### **3. Tổ chức thực hiện**

#### **3.1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Triển khai kế hoạch, giải pháp sản xuất vụ mùa 2019 và vụ Đông 2019 – 2020 tới các huyện, thành phố; phối hợp chỉ đạo linh hoạt, sát sao, cụ thể và kịp thời.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống, phân bón và vật tư nông nghiệp; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn qui trình kỹ thuật để nông dân thực hiện có hiệu quả.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc tăng cường tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao qui trình, tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình áp dụng

tiến bộ kỹ thuật thâm canh lúa, cây vụ đông; phối hợp với các doanh nghiệp triển khai thực hiện và nhân rộng mô hình “Cánh đồng liên kết sản xuất tập trung, quy mô lớn” trên lúa và cây vụ đông.

- Phối hợp với Sở Tài chính ban hành hướng dẫn sử dụng kinh phí và chủng loại giống cây vụ đông hỗ trợ theo Quyết định 2486/QĐ-UBND, ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp; công tác dự tính, dự báo chính xác, kịp thời sâu bệnh, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân phòng trừ sâu bệnh tổng hợp hiệu quả.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với các Công ty TNHH MTV KTCTTL rà soát, kiểm tra và thực hiện hiệu quả phương án chống úng nội đồng của các huyện, thành phố.

### **3.2. UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất của tỉnh và thực tế ở địa phương chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Mùa và vụ Đông tới các xã, thị trấn. Tập trung lãnh đạo, kiểm tra đôn đốc quyết liệt, cụ thể tới từng xã, thị trấn đảm bảo gieo, cấy hết diện tích, đúng thời vụ lúa mùa và hoàn thành kế hoạch trồng cây vụ đông.

- Triển khai thực hiện kế hoạch 21/KH-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh “Đề án Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn giai đoạn 2017-2020” đã được giao. Chỉ đạo nông dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa theo Quyết định 625/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT chọn địa điểm, thực hiện các mô hình “Cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn” tại địa phương.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho nông dân mua giống lúa ở vụ mùa theo Hướng dẫn số 238/HDLN-SNN-STC, ngày 28/12/2018 của Liên ngành Nông nghiệp và PTNT-Tài chính. Tổ chức hỗ trợ kinh phí cho nông dân mua giống cây trồng vụ đông khi có hướng dẫn của Liên ngành đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tăng cường thanh, kiểm tra các doanh nghiệp, đại lý sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp để đảm bảo chất lượng, giá cả vật tư trên địa bàn.

- Tăng cường tuyên truyền, tập huấn, chuyên giao TBKT mới, để nâng cao trình độ sản xuất thâm canh; chỉ đạo đài phát thanh thường xuyên cung cấp thông tin phổ biến đến nông dân để áp dụng.

- Xây dựng phương án chống úng nội đồng chi tiết cho từng vùng, đảm bảo thông thoáng dòng chảy; thực hiện tốt gieo mạ dự phòng và dự phòng giống lúa, rau màu khắc phục kịp thời ảnh hưởng của bão úng.

### III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

#### 1. Đối với vụ Mùa năm 2019

Cho phép bổ sung thêm các giống Đai Thơm 8 và TBR 279 (là những giống có chất lượng cơm gạo khá, thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, có thể thay thế giống lúa Bắc Thơm 7) để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất.

#### 2. Đối với hỗ trợ mua giống sản xuất vụ Đông 2019 – 2020

- Hỗ trợ mua một số giống vụ đông chủ lực đối với những vùng sản xuất có qui mô tập trung từ 05 ha trở lên, có liên kết với doanh nghiệp, thương lái để sản xuất – tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể:

+ Ngô nếp: Diện tích hỗ trợ 1.610 ha, mức hỗ trợ 1.600.000 đồng/ha, kinh phí hỗ trợ khoảng 2,576 tỷ đồng.

+ Bí xanh, bí đỏ: Diện tích hỗ trợ 830 ha, mức hỗ trợ 2.700.000 đồng/ha, kinh phí hỗ trợ khoảng 2,241 tỷ đồng.

- Hỗ trợ tổ chức 20 lớp tập huấn kỹ thuật, kinh phí 400 triệu đồng và các hội nghị đầu bờ tuyên truyền các mô hình cây vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao với kinh phí thực hiện là 45 triệu đồng.

**Tổng kinh phí hỗ trợ vụ đông 2019-2020 là: 5,262 tỷ đồng.** (Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

#### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Các Đ/c thường trực tỉnh ủy;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng: HỖND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Đ/c Bí thư các huyện, thành ủy; Chủ tịch UBND huyện, thành phố;
- Các phòng: TrTrọt, KH-TC-TTNN, Chăn nuôi;
- Các Chi cục: BVTV, Thú y, Thủy sản, Thủy lợi; Trung tâm KN; Trung tâm Giống NN tỉnh;
- Công ty TNHH một TV KTCTTL tỉnh;
- Phòng NN&PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố HY;
- Báo Hưng Yên, Đài PT-TH tỉnh, TTXVN tại HY;
- Lưu: VT.

Đề  
báo  
cáo

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Minh Tuân**

**Phụ lục 1: Diện tích thực hiện một số loại cây trồng vụ xuân 2019**

Cây trồng	Năm 2019		So với kết quả thực hiện vụ Xuân năm 2018 (ha)
	Kế hoạch (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	
<b>1. Cây lúa</b>	<b>31.440</b>	<b>31.948</b>	<b>33.238</b> (- 1.290 ha)
- Lúa chất lượng cao: BT7, Thơm RVT, nếp Thơm Hưng Yên, các giống nếp khác.	20.436	20.939 (chiếm tỷ lệ 64,5%)	19.810 (+ 1.129 ha)
- Lúa năng suất cao	11.004	11.009 (chiếm tỷ lệ 35,5%)	13.428 (chiếm tỷ lệ 40,4%)
+ Lúa thuần năng suất		8.873 (chiếm 28,8%)	11.169 (- 2.296 ha)
+ Lúa lai		2.136 (chiếm 6,7%)	2.559 (- 423 ha)
<b>2. Cây rau màu</b>	<b>8.000</b>	<b>7.434</b> (đạt 93%KH)	<b>8.055</b>
- Cây ngô	1.200 - 1.500	1.672	1.971 (- 299 ha)
- Cây lạc, đậu tương	800 - 900	842	1.062 (- 220 ha)
- Hoa cây cảnh, dược liệu	1.200 - 1500	1.446	1.049 (+ 397 ha)
- Rau màu các loại và cây hàng năm khác	4.800- 5.600	3.474	3.873 (- 399 ha)

**Phụ lục 2: Mô hình cánh đồng mẫu liên kết sản xuất lúa**

STT	Tên mô hình	Địa điểm thực hiện	Số mô hình	Diện tích 2019 (ha)	Ghi chú
<b>I. Mô hình sản xuất lúa giống</b>			<b>12</b>	<b>238</b>	
1	Bắc Thơm 7	Xã Quang Hưng – huyện Phù Cù	1	8	Hợp tác sản xuất với Trung tâm giống Nông nghiệp
2	Nếp Thơm Hưng Yên	Xã Đoàn Đào – huyện Phù Cù	1	7	
3	Sơn Lâm 1	Xã Đình Cao – huyện Phù Cù	1	30	
4	Khang Dân 18	Xã Nhật Tân – huyện Tiên Lữ	5	100	Liên kết với Tổng Công ty Giống cây trồng Thái Bình
5	TBR 279	Xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu	1	3	
6	Bắc Thơm 7	Xã Việt Hưng – huyện Văn Lâm	1	20	HTX tổ chức sản xuất
7	Khang Dân 18	Xã Nhật Tân – huyện Tiên Lữ	1	50	
8	Sơn Lâm 1	Xã Đức Thắng – huyện Tiên Lữ	1	20	Liên kết với Công ty Cổ phần Sơn Lâm
<b>II. Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao</b>			<b>27</b>	<b>442</b>	
1	J01	Xã Việt Hưng – huyện Văn Lâm	3	30	
2	Đài Thơm 8	Các huyện Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cù, Kim Động và TP Hưng Yên	5	40	
3	Nếp Thơm Hưng Yên, Nếp Các loại	Các xã Xuân Dục, Hưng Long, Bạch Sam, Hòa Phong huyện Mỹ Hào	4	150	
4	Bắc Thơm 7	Các xã Quang Hưng, Nhật Quang, Phan Sào Nam thuộc huyện Phù Cù; xã Đồng Tiến huyện Khoái Châu; Các xã Đình Dù, Minh Hải, Lạc Hồng	14	217	
5					
6	N25	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	1	5	
	<b>Tổng</b>		<b>39</b>	<b>680</b>	

**Phụ lục: Bảng diện tích, kinh phí đề nghị hỗ trợ vụ Đông năm 2019 – 2020**

(Theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Hưng Yên)

ĐVT: Tr.đ

Đơn vị	Ngô nếp		Bí đỏ, bí xanh		Tập huấn		Hội nghị		Tổng
	DT	KP	DT	KP	Số lớp	KP	Số HN	KP	
Mỹ Hào									
Văn Lâm									
Yên Mỹ	200	320	20	54					
Văn Giang	60	96	10	27					374
Khoái Châu	100	160	10	27					123
Ân Thi	750	1.200	130	351					187
Kim Động	150	240	50	135					1.551
Tiên Lữ	200	320	100	270					375
Phù Cù	100	160	500	1.350					590
Thành phố HY	50	80	10	27					1.510
Sở NN&PTNT					20	400	3	45	107
<b>Tổng</b>	<b>1.610</b>	<b>2.576</b>	<b>830</b>	<b>2.241</b>	<b>20</b>	<b>400</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>5.262</b>

